

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**(DỰ THẢO)**

**THÔNG TƯ**

**Quy định quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung Luật giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng đối với các đại học, trường đại học và cơ sở giáo dục đại học có tên gọi khác phù hợp với quy định của pháp luật; viện hàn lâm, viện do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ được phép đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc liên kết đào tạo ở trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo với đối tác nước ngoài do phía nước ngoài cấp bằng.

### **Điều 3. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do cơ sở đào tạo xây dựng, thẩm định và ban hành, bảo đảm đạt bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

2. Cơ sở đào tạo được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của nước ngoài theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật giáo dục đại học (được ban hành năm 2012 và sửa đổi, bổ sung năm 2018, sau đây gọi chung là Luật giáo dục đại học), bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 4. Thời gian đào tạo**

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn ở trình độ tiến sĩ thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật giáo dục đại học, phù hợp với Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và bảo đảm hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Trong trường hợp cần thiết, người học được rút ngắn hoặc gia hạn thời gian đào tạo theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 của Quy chế này.

### **Điều 5. Giảng viên**

1. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ với chuyên môn phù hợp.

3. Là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 05 bài công bố đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành phù hợp trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được phân công giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

### **Điều 6. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Người hướng dẫn độc lập phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 5 của Quy chế này;

b) Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh phải: (i) là tác giả chính của tối thiểu 01 bài công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI/Scopus); hoặc (ii) là đồng tác giả 02 bài công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus; hoặc (iii) là chủ nhân hoặc đồng chủ nhân của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc (iv) là tác giả chính hoặc đồng tác giả 02 bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

c) Đối với người hướng dẫn độc lập những đề tài luận án thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao có thể thay thế quy định tại điểm b khoản này bằng minh chứng đạt tối thiểu 01 giải thưởng chính thức của các cuộc thi quốc tế hoặc 02 giải thưởng chính thức của các cuộc thi quốc gia tương ứng được công nhận bởi cơ quan quản lý có thẩm quyền trong thời gian

05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh;

d) Đối với người hướng dẫn độc lập những đề tài luận án các ngành Khoa học quân sự và ngành Khoa học an ninh có thể thay thế quy định tại điểm b khoản này bằng minh chứng là tác giả chính tối thiểu 03 bài công bố trong các tạp chí thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính tối thiểu 01 điểm công trình của Hội đồng giáo sư nhà nước hằng năm trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ và trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh phải đáp ứng: (i) quy định tại điểm b khoản này và là tác giả chính của thêm 01 bài công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; (ii) hoặc quy định tại điểm c khoản này và minh chứng của thêm 01 giải thưởng chính thức của các cuộc thi quốc tế hoặc quốc gia trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao; (iii) hoặc quy định tại điểm c khoản này và thêm minh chứng là tác giả chính của 02 bài công bố trong Danh mục tạp chí khoa học được tính tối thiểu 01 điểm công trình của Hội đồng giáo sư nhà nước hằng năm thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

e) Bảo đảm đủ năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp người hướng dẫn chính là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài phải có thỏa thuận giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo đủ thời gian hướng dẫn theo quy định của pháp luật.

b) Người hướng dẫn phụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 của Quy chế này và đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

## **Chương II TUYÊN SINH**

### **Điều 7. Đối tượng dự tuyển**

1. Người dự tuyển phải có 01 trong những minh chứng về trình độ chuyên môn sau và do giám đốc, hoặc hiệu trưởng, viện trưởng của các cơ sở đào tạo (sau đây gọi chung là thủ trưởng cơ sở đào tạo) quyết định:

a) Đã tốt nghiệp trình độ đại học loại giỏi trở lên; hoặc

b) Đã tốt nghiệp trình độ thạc sĩ theo chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc

c) Đã tốt nghiệp trình độ thạc sĩ theo chương trình đào tạo định hướng ứng dụng và đạt điểm trung bình chung học tập từ 3.6/4 trở lên; hoặc

d) Đã tốt nghiệp trình độ thạc sĩ theo chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, đạt điểm trung bình chung học tập từ 3.0/4 đến 3.6/4 trở lên và có bằng cử nhân hoặc tương đương với điểm trung bình chung học tập đạt từ 3.0/4 trở lên.

2. Là tác giả chính hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 bài báo công bố liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trong các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những minh chứng về năng lực ngoại ngữ tối thiểu sau và do thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định:

a) Đã tốt nghiệp trình độ đại học hoặc thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài (học toàn thời gian ở nước ngoài); hoặc

b) Đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam; hoặc

c) Đạt trình độ của một trong số những ngoại ngữ quy định tại Phụ lục I của Quy chế này trong thời gian còn hiệu lực của chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c khoản này nhưng ngoại ngữ không phải là tiếng Anh phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định; trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.

### **Điều 8. Tổ chức tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh**

1. Thủ trưởng cơ sở đào tạo xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm, tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình trong việc thông báo tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh (xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển với thi tuyển) và công nhận nghiên cứu sinh bảo đảm đúng quy định, công khai và minh bạch.

2. Đối với những cơ sở đào tạo tổ chức tuyển sinh theo phương thức thi tuyển phải:

a) Có bộ phận độc lập chuyên trách thực hiện chức năng tổ chức thi tuyển sinh, trong đó có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chấm thi, cán bộ ra đề thi, cán bộ đánh giá và thẩm định đề thi, cán bộ hỗ trợ, kỹ thuật viên đáp ứng yêu cầu về số lượng và chuyên môn;

- b) Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với quy mô và phương thức tổ chức thi;
- c) Bảo đảm tổ chức kỳ thi trung thực, khách quan, công bằng.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

#### **Điều 9. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo**

1. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai tại cơ sở đào tạo; trong trường hợp cơ sở đào tạo không tổ chức dạy và học một số học phần thuộc khối kiến thức trong chương trình đào tạo tiến sĩ thì có thể gửi nghiên cứu sinh tới những cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này ở trình độ tương ứng theo thỏa thuận giữa các bên.

2. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ; thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết về việc nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh bảo đảm tuân thủ quy định hiện hành ở từng lĩnh vực, ngành đào tạo cụ thể, phù hợp với điều kiện của cơ sở đào tạo và bảo đảm đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo tiến sĩ hiện hành.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo qua mạng đáp ứng những yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với thời lượng tối đa không quá 30% tổng thời lượng giảng dạy của chương trình đào tạo; trong trường hợp cần thiết, việc triển khai đào tạo qua mạng được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Hoàn thành chương trình đào tạo, gia hạn và rút ngắn thời gian đào tạo:

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo khi luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp cơ sở đào tạo thông qua trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy chế này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết thời gian đào tạo tiêu chuẩn theo quyết định công nhận tối thiểu 03 tháng, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn; tổng thời gian gia hạn tối đa là 03 năm (36 tháng);

c) Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh đã hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định tại điểm a khoản này trong thời gian tối thiểu bằng 2/3 thời gian đào tạo tiêu chuẩn được ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

5. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn bảo đảm hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều này;

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn phải thực hiện chậm nhất trước 01 năm (12 tháng) tính đến ngày nghiên cứu sinh phải hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian đào tạo tiêu chuẩn theo quyết định công

nhận nghiên cứu sinh hoặc/và bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có) trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời gian đào tạo tiêu chuẩn của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 01 năm (12 tháng) theo quyết định công nhận và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Thời gian đào tạo còn lại được tính từ thời điểm nghiên cứu sinh chuyển đến học tại cơ sở mới cho đến hết thời gian đào tạo tiêu chuẩn theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở chuyển đi hoặc/và bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có); việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và những học phần cần bổ sung (nếu có) của nghiên cứu sinh do thủ trưởng cơ sở đào tạo mới tiếp nhận quyết định.

6. Hết thời gian đào tạo (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua (bao gồm cả việc cho phép đánh giá lại lần thứ hai theo quy định của Quy chế này), thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Việc bảo lưu kết quả học tập trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của nghiên cứu sinh do thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định nhưng không quá 07 năm (84 tháng) kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định cho phép nghiên cứu sinh có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

#### **Điều 10. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn**

1. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là một hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần cho, công khai với tất cả những ai quan tâm (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật) và do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết, bảo đảm những yêu cầu quy định tại Điều này.

2. Nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành luận án tiến sĩ đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đã công bố hoặc đồng công bố tối thiểu: (i) 02 bài về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài công bố đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 bài công bố trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện; hoặc (iii) 02 bài công bố trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

c) Đối với những nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài luận án thuộc ngành Khoa học quân sự và ngành Khoa học an ninh có thể thay thế quy định tại điểm b khoản này bằng tối thiểu 04 bài trong các tạp chí thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính tối thiểu 01 điểm công trình của Hội đồng giáo sư nhà nước;

d) Được tập thể hoặc người hướng dẫn đồng ý đánh giá ở đơn vị chuyên môn.

3. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ:

a) Là bản báo cáo đầy đủ kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về tri thức, lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn cho nhân loại, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết vấn đề của thực tế đã đặt ra trong luận án;

b) Đáp ứng quy định của cơ sở đào tạo về khối lượng, hình thức, cách trình bày, việc trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo;

c) Minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu của những tác giả khác (nếu có); trong trường hợp luận án có sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là thành viên tham gia thì phải có văn bản của tất cả các đồng tác giả khác xác nhận phần đóng góp của nghiên cứu sinh trong công trình khoa học đã công bố;

d) Có xác nhận về việc không vi phạm quy định về kiểm soát đạo văn và tuân thủ những quy định về liêm chính học thuật của cơ sở đào tạo;

đ) Bảo đảm thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

### **Điều 11. Phản biện độc lập luận án**

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

2. Mỗi luận án được gửi lấy ý kiến của tối thiểu 02 nhà khoa học, chuyên gia ngoài cơ sở đào tạo ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; đáp ứng tiêu chuẩn như người hướng dẫn chính theo quy định tại Điều 6; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết tiêu chuẩn đối với phản biện độc lập; trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với cán bộ, công chức, người phản biện và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập theo quy định hiện hành.

### **Điều 12. Bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo**

1. Nghiên cứu sinh được được đăng ký bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án đã được thông qua ở đơn vị chuyên môn;

b) Luận án được tập thể hoặc người hướng dẫn đồng ý đưa ra bảo vệ ở cấp cơ sở đào tạo;

c) Luận án được phản biện độc lập nhất trí về chuyên môn và đề nghị được bảo vệ ở cấp cơ sở đào tạo;

d) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo ban hành quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, quy định chi tiết về tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng bảo đảm đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Hội đồng gồm 07 thành viên, trong đó số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người, số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 03 người;

b) Thành viên Hội đồng phải đáp ứng quy định tại Điều 5 của Quy chế này và trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định là thành viên hội đồng phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu: (i) 01 bài công bố; hoặc (ii) 01 báo cáo khoa học với chuyên môn phù hợp đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài hoặc trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện; hoặc (iii) 02 bài trong các tạp chí thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính tối thiểu 01 điểm công trình của Hội đồng giáo sư nhà nước hằng năm đối với đề tài luận án thuộc ngành Khoa học quân sự và ngành Khoa học an ninh.

c) Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các uỷ viên; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh; các phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công trình công bố có liên quan đến luận án; đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là uỷ viên.

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết về quy trình tổ chức bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi bảo vệ luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ (trừ trường hợp bảo vệ luận án theo chế độ mật);

b) Không tổ chức buổi bảo vệ luận án trong trường hợp vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hoặc từ 02 thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo trở lên;

c) Luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo có mặt tại buổi bảo vệ trở lên không tán thành bằng hình thức bỏ phiếu;

d) Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa và bổ sung nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

đ) Biên bản buổi bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

2. Trong trường hợp cần thiết, thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo và thời hạn hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

### **Điều 13. Bảo vệ luận án theo chế độ mật**

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì thủ trưởng cơ sở đào tạo phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. Nghiên cứu sinh thực hiện những luận án có đề tài được xác định là mật theo quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 10 của Quy chế này.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả những quy định khác của Quy chế này.

### **Điều 14. Bảo vệ lại luận án cấp cơ sở đào tạo**

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng cấp cơ sở đào tạo thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết thời hạn, quy trình, thủ tục đối với việc đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo lần thứ hai.

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

### **Điều 15. Cấp bằng tiến sĩ**

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở đào tạo và được người hướng dẫn, đơn vị quản lý đào tạo, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của thủ trưởng cơ sở đào tạo sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo;

d) Luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh đã được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo;

đ) Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc lưu trữ và công khai những luận án được bảo vệ theo chế độ mật đối với những cá nhân hoặc cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo;

- b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo;
  - c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo có mặt tại buổi bảo vệ luận án;
  - d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;
  - đ) Xác nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;
  - e) Minh chứng công bố công khai ngày bảo vệ luận án và ngày đăng luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh (trừ những luận án được bảo vệ theo chế độ mật);
  - h) Những tài liệu khác theo quy định của cơ sở đào tạo.
3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo để ra quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định công nhận học vị có hiệu lực.

#### **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN**

#### **Điều 16. Trách nhiệm và quyền của nghiên cứu sinh, giảng viên và người hướng dẫn**

1. Trách nhiệm và quyền của nghiên cứu sinh thực hiện theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật giáo dục đại học và những quy định sau:

- a) Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ theo quy định của cơ sở đào tạo và được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua;
- b) Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của cơ sở đào tạo;
- c) Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án;
- d) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Thủ trưởng cơ sở đào tạo.

2. Trách nhiệm và quyền của giảng viên thực hiện theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và theo quy định của Thủ trưởng cơ sở đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền của người hướng dẫn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và những quy định sau:

- a) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư, phó giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ khoa học hoặc bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

c) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn và bảo vệ tại Hội đồng cấp cơ sở đào tạo nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định của Quy chế này và của cơ sở đào tạo;

d) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Thủ trưởng cơ sở đào tạo.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị chuyên môn**

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

2. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh.

4. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở đơn vị chuyên môn; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra bảo vệ ở Hội đồng cấp cơ sở đào tạo.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Thủ trưởng cơ sở đào tạo.

#### **Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo**

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ căn cứ những quy định của Quy chế này.

2. Tự chủ triển khai tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ theo quy định đã ban hành và chịu trách nhiệm giải trình với các bên liên quan theo pháp luật hiện hành.

3. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật giáo dục đại học.

4. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật giáo dục đại học.

5. Thực hiện các biện pháp tăng cường liêm chính học thuật, kiểm soát chống sao chép và áp dụng những biện pháp xử lý khi vi phạm, đảm bảo tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ đã bảo vệ tại cơ sở đào tạo.

6. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đào tạo tiến sĩ bao gồm: danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; các đề tài nghiên cứu đã và đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, toàn văn và tóm tắt luận án đã hoàn chỉnh sau đánh giá của Hội đồng cấp cơ sở đào tạo.

7. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và pháp luật liên quan.

8. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III); thực

hiện chế độ báo cáo định kỳ (theo mẫu tại Phụ lục IV) , hằng năm và đột xuất theo yêu cầu.

9. Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

10. Hằng năm có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ.

## **Chương V** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 19. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

1. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án.

2. Thẩm định ngẫu nhiên trong số hồ sơ và luận án theo báo cáo của cơ sở đào tạo quy định tại khoản 8 Điều 18 của Quy chế này.

### **Điều 20. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo:

- a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh;
- b) Hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo;
- c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;
- d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định chất lượng luận án:

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã xoá thông tin về tác giả hoặc nhóm tác giả;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

### **Điều 21. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp phải thẩm định (quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án) của cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ sở đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy chế này.

4. Chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học

hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu 02 trong 03 ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền thủ trưởng cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 22. Hội đồng thẩm định luận án**

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 21 của Quy chế này.

2. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy chế này.

3. Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

4. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định luận án: xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung của đơn thư khiếu nại, tố cáo.

5. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không tán thành.

6. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định luận án thông qua, thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của 02 Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

#### **Điều 22. Xử lý kết quả thẩm định**

1. Đối với hồ sơ đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại khoản 3, luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 của Quy chế này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung; sau khi có văn bản thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo đề xuất của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu.

2. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

3. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị bảo vệ lại luận án cấp cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì cơ sở đào tạo xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Quy chế này.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, thủ trưởng cơ sở đào tạo có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

### **Điều 23. Khiếu nại, tố cáo**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

### **Điều 24. Thanh tra, kiểm tra**

1. Cơ sở đào tạo tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án và cấp bằng tiến sĩ; triển khai các biện pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện được nêu trong kết luận thanh tra, kiểm tra; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện theo kết luận thanh tra, kiểm tra.

2. Cơ sở đào tạo lưu trữ theo quy định và cung cấp đầy đủ thông tin, minh chứng về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, đánh giá và bảo vệ luận án và cấp bằng tiến sĩ theo yêu cầu của các đoàn thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 25. Xử lý vi phạm**

1. Cơ sở đào tạo, nghiên cứu sinh, giảng viên, người hướng dẫn vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm 3 Điều 10 của Quy chế này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 22 của Quy chế này;

d) Người dự tuyển không đáp ứng điều kiện dự tuyển và công nhận nghiên cứu sinh.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định thành lập theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

#### **Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các khoá tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, cơ sở đào tạo thực hiện theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- UBVHGDTNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDĐH.

**BỘ TRƯỞNG**

**Phụ lục I**  
**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH**  
**CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI HỌC CÁC**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGDĐT ngày / /2020*  
*của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

<b>Stt</b>	<b>Chứng chỉ</b>	<b>Trình độ</b>
1	TOEFL iBT	Từ 45 trở lên
2	IELTS	Từ 5 trở lên
3	Cambridge examination	CAE 45 trở lên PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZdF)
6	TestDaF	TDN3 trở lên
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6 trở lên
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2 trở lên
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
10	Chứng chỉ ngoại ngữ cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

*Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc xác nhận trình độ.*

Quy chế đang đăng tải trên Cổng thông tin điện tử để xin ý kiến góp ý

## Phụ lục II

### MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN CÁC THÁNG TRONG NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020 /TT-BGDĐT ngày / /2020  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
(Tháng .... năm ....)

Stt	Họ và tên NCS	Quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ cấp cơ sở đào tạo	Kết quả bảo vệ	Ghi chú

Thủ trưởng cơ sở đào tạo  
(Ký tên và đóng dấu)

### Phụ lục III

**MẪU BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH HẰNG NĂM**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGDĐT ngày / /2020  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO**                      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày      tháng      năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH**  
**NĂM 20...**

#### I. Số lượng nghiên cứu sinh hiện có

Khoá đào tạo (năm bắt đầu ĐT)	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Số lượng nghiên cứu sinh hiện đang học tập tại cơ sở				Số sẽ tốt nghiệp năm sau			
		Tổng	Loại 3 năm	Loại 4 năm	Ghi chú	Tổng	Loại 3 năm	Loại 4 năm	Ghi chú

#### II. Kế hoạch chỉ tiêu tuyển mới năm 20....

(Báo cáo và lập biểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh)

#### III. Báo cáo về các hướng nghiên cứu và người hướng dẫn nghiên cứu sinh cho kế hoạch tuyển mới

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực NC cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người hướng dẫn	Số lượng NCS có thể nhận

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo**  
(Ký tên và đóng dấu)